Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7015.90.10

Mã HS	7015.90.10
Mô tả hàng hóa	Kính đồng hồ thời gian hoặc kính đồng hồ cá nhân và các loại kính tương tự, các loại kính đeo để hiệu chỉnh hoặc không hiệu chỉnh, được uốn cong, làm lồi, lõm hoặc tương tự, chưa được gia công về mặt quang học; hạt cầu thủy tinh rỗng và mảnh của chúng, dùng để sản xuất các loại kính trên / - Loại khác: / - - Kính đồng hồ thời gian hoặc đồng hồ cá nhân
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 11:39:23
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/70159010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10542
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10542
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10542
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10029
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9980
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9980
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9980
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9980
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9980
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9980
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10032
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10032
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10032
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10032

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10032
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10032
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10033
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10033
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10033
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10033
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10033
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10033
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10034
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9986
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9992
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9992
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9992
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9992
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9992
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9992
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10017
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10017
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10017
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10017
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10017
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10017
VCFTA	2022	2022	5	VC!D10064
VCFTA	2023	2023	5	VC!E10064
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10064
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10064

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10064
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10064
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10055
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10055
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10055
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10055
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10055
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10055
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10055
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10055
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10055
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10055
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10055
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10055
EVFTA	2022	2022	1,2	EV-NK!D10066
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10066
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10066
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10066
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10066
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10066
UKVFTA	2022	2022	1,2	UKV!D10065
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10065
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10065
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10065
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10065
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10065

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10012
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10012
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10012
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10012
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10012
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10012
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10012
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10049
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10049
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10049
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10049
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10049
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10049
RCEP B	2022	2022	0	B!D10049
RCEP B	2023	2023	0	B!E10049
RCEP B	2024	2024	0	B!F10049
RCEP B	2025	2025	0	B!G10049
RCEP B	2026	2026	0	B!H10049
RCEP B	2027	2027	0	B!I10049
RCEP C	2022	2022	0	C!D10049
RCEP C	2023	2023	0	C!E10049
RCEP C	2024	2024	0	C!F10049
RCEP C	2025	2025	0	C!G10049
RCEP C	2026	2026	0	C!H10049
RCEP C	2027	2027	0	C!I10049
RCEP D	2022	2022	0	D!D10048

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E10048
RCEP D	2024	2024	0	D!F10048
RCEP D	2025	2025	0	D!G10048
RCEP D	2026	2026	0	D!H10048
RCEP D	2027	2027	0	D!I10048
RCEP E	2022	2022	0	E!D10052
RCEP E	2023	2023	0	E!E10052
RCEP E	2024	2024	0	E!F10052
RCEP E	2025	2025	0	E!G10052
RCEP E	2026	2026	0	E!H10052
RCEP E	2027	2027	0	E!I10052
RCEP F	2022	2022	0	F!D10049
RCEP F	2023	2023	0	F!E10049
RCEP F	2024	2024	0	F!F10049
RCEP F	2025	2025	0	F!G10049
RCEP F	2026	2026	0	F!H10049
RCEP F	2027	2027	0	F!I10049
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F9289
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G9289
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H9289
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I9289

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7015.90 có 2 dòng thuế; dòng 7015.90.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Kính đồng hồ thời gian hoặc đồng hồ cá nhân.	7015.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7015.90.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 7015.90.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10542), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.